

Số: /TTr-BNV

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO**TỜ TRÌNH****Về việc phê duyệt Đề án tổng thể “Xây dựng, vận hành Nền tảng số quốc gia về văn thư, lưu trữ giai đoạn 2026 - 2030”**

Kính gửi: Thủ tướng Chính phủ

Thực hiện Quyết định số 11/QĐ-BCĐCP ngày 27 tháng 02 năm 2026 của Ban Chỉ đạo của Chính phủ về chuyển đổi số và Đề án 06 và Quyết định số 826/QĐ-TTg ngày 11 tháng 5 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2035 về việc giao Bộ Nội vụ chủ trì, Bộ Công an phối hợp trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án tổng thể xây dựng Nền tảng số quốc gia về văn thư, lưu trữ, giai đoạn 2026 - 2030, Bộ Nội vụ đã chủ trì, phối hợp với Bộ Công an và các cơ quan liên quan xây dựng dự thảo Đề án tổng thể “Xây dựng, vận hành Nền tảng số quốc gia về văn thư, lưu trữ giai đoạn 2026 - 2030”.

Bộ Nội vụ trân trọng báo cáo và kính trình Thủ tướng Chính phủ các nội dung cơ bản như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT CỦA VIỆC XÂY DỰNG ĐỀ ÁN**1. Cơ sở chính trị**

Trong bối cảnh chuyển đổi số quốc gia đang diễn ra mạnh mẽ, dữ liệu ngày càng trở thành nguồn tài nguyên chiến lược, nền tảng cho hoạt động quản trị quốc gia, chỉ đạo, điều hành và cung cấp dịch vụ công. Văn thư, lưu trữ với vai trò tạo lập, quản lý, bảo quản và khai thác nguồn dữ liệu gốc của Nhà nước đang trở thành một bộ phận quan trọng của hạ tầng dữ liệu quốc gia. Việc xây dựng và vận hành Nền tảng số quốc gia về văn thư, lưu trữ là yêu cầu cần thiết nhằm cụ thể hóa các chủ trương, định hướng lớn của Đảng về phát triển đất nước trong kỷ nguyên số.

Đề án được xây dựng trên cơ sở quán triệt và cụ thể hóa các chủ trương, định hướng lớn của Đảng và Nhà nước, gồm:

- Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng ngày 23/01/2026, xác định chuyển đổi số là một trong những đột phá chiến lược; dữ liệu là nguồn lực chiến lược mới của quốc gia; đồng thời nhấn mạnh yêu cầu bảo đảm an ninh dữ liệu và chủ quyền số quốc gia. Trong bối cảnh đó, dữ liệu văn thư, lưu trữ với tính chất là dữ liệu gốc có giá trị pháp lý cao, giữ vai trò nền tảng bảo đảm tính liên tục, minh bạch, khả năng truy vết và hiệu lực hoạt động của bộ máy nhà nước.

- Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, xác định dữ liệu là tài nguyên mới, yếu tố đầu vào cốt lõi của chuyển đổi số. Đây là cơ sở chính trị quan trọng để xác định dữ liệu văn thư, lưu trữ là nguồn dữ liệu tin cậy, cần được quản trị ở tầm chiến lược quốc gia.

- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, xác định yêu cầu phát triển hạ tầng số, hạ tầng dữ liệu và các nền tảng số dùng chung quy mô quốc gia; lấy dữ liệu làm trung tâm của quá trình chuyển đổi số; bảo đảm quản trị thống nhất, an toàn, kết nối, chia sẻ và khai thác hiệu quả dữ liệu. Đề án góp phần trực tiếp hiện thực hóa các mục tiêu của Nghị quyết thông qua việc hình thành hạ tầng dữ liệu tin cậy của Nhà nước, bảo đảm quản lý thống nhất vòng đời tài liệu, hồ sơ và dữ liệu.

- Nghị quyết số 80-NQ/TW ngày 07/01/2026 của Bộ Chính trị về phát triển văn hóa Việt Nam, xác định văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, nhấn mạnh yêu cầu bảo tồn, phát huy di sản văn hóa và xây dựng môi trường văn hóa trên không gian số. Tài liệu lưu trữ là di sản tư liệu quốc gia và nguồn dữ liệu gốc có giá trị xác thực cao; việc xây dựng Nền tảng số quốc gia về văn thư, lưu trữ góp phần bảo tồn ký ức quốc gia, phát huy giá trị lịch sử, văn hóa và tri thức của dân tộc trong môi trường số.

- Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới, xác định nhiệm vụ hoàn thiện thể chế đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số, tạo cơ sở để tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách và quy định nghiệp vụ về văn thư, lưu trữ trong môi trường số.

- Quy định số 05-QĐ/BCĐTW ngày 27/8/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quy định về mô hình liên thông số thống nhất, hiệu quả và quản trị dựa trên dữ liệu trong hệ thống chính trị. Đây là cơ sở chính trị quan trọng để xây dựng Nền tảng số quốc gia về văn thư, lưu trữ theo mô hình tập trung, thống nhất, kết nối với Trung tâm Dữ liệu quốc gia và hình thành Cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ Phong Lưu trữ Nhà nước Việt Nam.

- Các văn bản chỉ đạo, kết luật của Ban Bí thư, Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW, nhấn mạnh yêu cầu xây dựng các nền tảng số dùng chung quy mô quốc gia, khắc phục tình trạng đầu tư phân tán, manh mún; tăng cường quản trị dữ liệu, bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng và chủ quyền số quốc gia.

Những chủ trương, định hướng nêu trên là cơ sở chính trị quan trọng để xây dựng và triển khai Đề án. Việc hình thành Nền tảng số quốc gia về văn thư, lưu trữ sẽ góp phần xây dựng hạ tầng dữ liệu tin cậy của Nhà nước, phục vụ phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số, bảo đảm chủ quyền dữ liệu quốc gia và phát huy giá trị di sản tư liệu của dân tộc.

2. Cơ sở pháp lý

Đề án được xây dựng trên cơ sở hệ thống pháp luật hiện hành về chuyển đổi số, dữ liệu, giao dịch điện tử, an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân, văn thư và lưu trữ, bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp và thống nhất trong tổ chức thực hiện. Cụ thể:

- Hiến pháp năm 2013, quy định quyền tiếp cận thông tin, bảo vệ dữ liệu cá nhân và trách nhiệm của Nhà nước trong quản lý xã hội.

- Luật Chuyển đổi số năm 2025, quy định về phát triển Chính phủ số, dữ liệu số và các nền tảng số dùng chung.

- Luật Dữ liệu năm 2024, quy định về quản trị, kết nối, chia sẻ, khai thác và phát triển hạ tầng dữ liệu quốc gia.

- Luật Giao dịch điện tử năm 2023, quy định giá trị pháp lý của thông điệp dữ liệu, văn bản điện tử, chữ ký số và giao dịch điện tử.

- Luật An ninh mạng năm 2025, quy định về bảo vệ an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu, bảo đảm an ninh đối với hệ thống thông tin, trách nhiệm của chủ quản hệ thống thông tin và các biện pháp phòng ngừa, phát hiện, xử lý nguy cơ, sự cố an ninh mạng.

- Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân năm 2025 quy định nguyên tắc, quyền, trách nhiệm và các biện pháp bảo vệ dữ liệu cá nhân trong quá trình thu thập, xử lý, lưu trữ, chia sẻ và khai thác dữ liệu.

- Luật Căn cước năm 2023, quy định về định danh và xác thực điện tử phục vụ giao dịch trên môi trường số.

- Luật Tiếp cận thông tin năm 2026, quy định quyền tiếp cận thông tin của công dân và trách nhiệm công khai thông tin của cơ quan nhà nước.

- Luật Lưu trữ năm 2024, quy định về tài liệu lưu trữ điện tử, kho lưu trữ số, cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ và bảo quản lâu dài tài liệu số.

- Nghị định số 113/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Lưu trữ, quy định xây dựng, quản lý, kết nối và chia sẻ Cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ Phong Lưu trữ Nhà nước Việt Nam.

- Nghị định số 30/2020/NĐ-CP của Chính phủ về công tác văn thư, quy định quản lý văn bản điện tử, ký số, lập hồ sơ và quản lý hồ sơ điện tử.

- Nghị định số 13/2023/NĐ-CP ngày 17/4/2023 của Chính phủ về bảo vệ dữ liệu cá nhân, quy định nguyên tắc và trách nhiệm bảo vệ dữ liệu cá nhân trong môi trường số.

- Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021–2030, xác định nhiệm vụ hiện đại hóa nền hành chính và phát triển Chính phủ số.

- Nghị quyết số 175/NQ-CP ngày 30/10/2023 của Chính phủ phê duyệt Đề án Trung tâm dữ liệu quốc gia, định hướng sử dụng hạ tầng dữ liệu dùng chung cấp quốc gia.

- Quyết định số 11/QĐ-BCĐCP ngày 27/02/2026 của Ban Chỉ đạo của Chính phủ về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06, giao Bộ Nội vụ chủ trì xây dựng Đề án tổng thể xây dựng, vận hành Nền tảng số quốc gia về văn thư, lưu trữ giai đoạn 2026–2030.

- Quyết định số 826/QĐ-TTg ngày 11/5/2026 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2035, giao Bộ Nội vụ chủ trì, phối hợp Bộ Công an xây dựng Đề án.

- Quyết định số 1132/QĐ-TTg ngày 24/6/2026 của Thủ tướng Chính phủ ban hành tiêu chí, danh mục nền tảng số dùng chung quốc gia trong các cơ quan thuộc hệ thống chính trị, là căn cứ xác định vị trí, vai trò của Nền tảng số quốc gia về văn thư, lưu trữ trong hệ sinh thái nền tảng số quốc gia.

Các quy định pháp luật nêu trên đã tạo cơ sở pháp lý đầy đủ để xây dựng và vận hành Nền tảng số quốc gia về văn thư, lưu trữ theo hướng tập trung, thống nhất, liên thông, bảo đảm an ninh, an toàn dữ liệu và đáp ứng yêu cầu quản trị quốc gia trong kỷ nguyên số. Đồng thời, đây cũng là cơ sở pháp lý để triển khai mô hình quản trị dữ liệu theo vòng đời, xây dựng và vận hành tập trung Nền tảng số quốc gia về văn thư, lưu trữ và Cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ Phong Lưu trữ Nhà nước Việt Nam trên hạ tầng Trung tâm Dữ liệu quốc gia.

3. Cơ sở thực tiễn

Thực tiễn phát triển đất nước trong kỷ nguyên số cho thấy dữ liệu đang trở thành nguồn lực chiến lược và là yếu tố nền tảng của quản trị quốc gia hiện đại. Trong hệ sinh thái dữ liệu quốc gia, dữ liệu văn thư, lưu trữ là nguồn dữ liệu gốc có giá trị pháp lý, giá trị chứng cứ và độ tin cậy cao nhất, phản ánh toàn bộ quá trình hình thành, thực thi và lưu giữ các quyết định quản lý của Nhà nước. Vì vậy, việc đổi mới nền văn thư, lưu trữ không chỉ nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động nghiệp vụ của ngành mà còn là yêu cầu quan trọng để xây dựng hạ tầng dữ liệu quốc gia, nâng cao năng lực quản trị đất nước, bảo đảm chủ quyền dữ liệu và phát huy giá trị di sản tư liệu quốc gia trong kỷ nguyên số.

a) Vai trò của văn thư, lưu trữ trong quản lý nhà nước và phát triển quốc gia

Trong kỷ nguyên số, văn thư, lưu trữ không chỉ là hoạt động nghiệp vụ hành chính mà đã trở thành bộ phận quan trọng của hạ tầng quản trị quốc gia, hạ tầng dữ liệu quốc gia và hạ tầng ký ức quốc gia. Dữ liệu văn thư, lưu trữ là nguồn dữ liệu gốc có giá trị pháp lý, giá trị chứng cứ và độ tin cậy cao, giữ vai trò đặc biệt quan trọng đối với hoạt động quản lý nhà nước và phát triển đất nước, thể hiện ở các khía cạnh sau:

- Bảo đảm hiệu quả hoạt động hành chính và nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp. Văn thư, lưu trữ bảo đảm việc hình thành, quản lý và khai thác thống nhất văn bản, hồ sơ, dữ liệu trong hoạt động của cơ quan nhà nước; góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, cải cách thủ tục hành chính, phát triển dịch vụ công trực tuyến và nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp.

- Là trụ cột của minh bạch, trách nhiệm giải trình và kiểm soát quyền lực. Thông qua việc ghi nhận, lưu giữ và truy xuất toàn bộ quá trình xử lý công việc, văn thư, lưu trữ tạo lập nguồn bằng chứng xác thực về trách nhiệm, thẩm quyền và kết quả thực thi công vụ; góp phần tăng cường công khai, minh bạch và kiểm soát quyền lực trong hoạt động của bộ máy nhà nước.

- Là tài sản dữ liệu chiến lược của quốc gia trong kỷ nguyên số. Dữ liệu văn thư, lưu trữ là nguồn dữ liệu gốc của Nhà nước, có ý nghĩa nền tảng đối với quản trị quốc gia dựa trên dữ liệu. Việc quản lý thống nhất, kết nối, chia sẻ và khai thác hiệu quả nguồn dữ liệu này là điều kiện quan trọng để phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số, đồng thời bảo đảm an ninh dữ liệu và chủ quyền số quốc gia.

- Là hạ tầng ký ức quốc gia và nguồn lực phát triển văn hóa, xã hội. Tài liệu lưu trữ là di sản tư liệu quốc gia, phản ánh lịch sử hình thành và phát triển của đất nước. Việc bảo tồn, số hóa và phát huy giá trị tài liệu lưu trữ góp phần gìn giữ ký ức quốc gia, phát triển giáo dục, nghiên cứu khoa học, văn hóa và nâng cao sức mạnh mềm của quốc gia trong môi trường số.

b) Những thách thức và yêu cầu đổi mới nền văn thư, lưu trữ trong kỷ nguyên số

Mặc dù công tác văn thư, lưu trữ đã có nhiều chuyển biến tích cực, song vẫn còn những hạn chế, bất cập trước yêu cầu phát triển mới, tập trung ở các vấn đề chủ yếu sau:

- Thách thức về liên thông, quản lý thống nhất và phát huy giá trị dữ liệu ở quy mô quốc gia. Dữ liệu văn bản, hồ sơ và tài liệu lưu trữ hiện vẫn được quản lý phân tán trên nhiều hệ thống khác nhau; mức độ chuẩn hóa, kết nối và chia sẻ dữ liệu chưa đồng đều; chưa hình thành không gian dữ liệu văn thư, lưu trữ thống nhất trên phạm vi toàn quốc.

- Thách thức về bảo đảm an toàn, toàn vẹn và giá trị pháp lý của dữ liệu trong dài hạn. Khối lượng tài liệu điện tử ngày càng lớn trong khi nhiều hệ thống chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu bảo quản lâu dài, duy trì tính xác thực, toàn vẹn và khả năng sử dụng của dữ liệu theo thời gian.

- Thách thức về hiệu quả đầu tư và khai thác tài nguyên dữ liệu. Nguồn lực đầu tư cho số hóa và chuyển đổi số ngày càng tăng nhưng dữ liệu vẫn chủ yếu được khai thác trong phạm vi từng cơ quan, chưa được kết nối, chia sẻ và tái sử dụng hiệu quả, làm giảm giá trị và hiệu quả đầu tư.

c) Tính cấp bách của việc đổi mới nền văn thư, lưu trữ và xây dựng Nền tảng số quốc gia về văn thư, lưu trữ

Những yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên số và các thách thức nêu trên đặt ra yêu cầu cấp thiết phải đổi mới toàn diện nền văn thư, lưu trữ theo hướng hiện đại, thống nhất, liên thông và dựa trên dữ liệu. Sự cấp thiết đó xuất phát từ các yêu cầu chủ yếu sau:

- Yêu cầu của phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới. Quá trình xây dựng Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số và quản trị quốc gia dựa trên dữ liệu đòi hỏi

dữ liệu văn thư, lưu trữ phải được quản lý thống nhất, kết nối, chia sẻ và khai thác hiệu quả trên phạm vi toàn quốc.

- Yêu cầu đổi mới toàn diện công tác văn thư, lưu trữ. Việc đổi mới cần được triển khai đồng bộ về thể chế, tổ chức bộ máy, nghiệp vụ, nguồn nhân lực, dữ liệu và hạ tầng kỹ thuật; chuyển từ quản lý hồ sơ, tài liệu riêng lẻ sang quản trị thống nhất dữ liệu văn thư, lưu trữ trong toàn bộ vòng đời tài liệu.

d) Sự cần thiết của việc xây dựng, vận hành Nền tảng số quốc gia về văn thư, lưu trữ

Yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên số và yêu cầu đổi mới toàn diện công tác văn thư, lưu trữ đòi hỏi phải có một hạ tầng số dùng chung đủ năng lực quản lý, kết nối và khai thác dữ liệu trên phạm vi toàn quốc. Trong khi dữ liệu văn thư, lưu trữ hiện đang được hình thành, quản lý trên nhiều hệ thống khác nhau, việc đầu tư, vận hành riêng lẻ tại từng cơ quan, địa phương khó bảo đảm tính thống nhất, liên thông và hiệu quả ở quy mô quốc gia. Vì vậy, việc xây dựng và vận hành Nền tảng số quốc gia về văn thư, lưu trữ là yêu cầu khách quan, cấp thiết, thể hiện ở các khía cạnh sau:

Một là, hình thành không gian dữ liệu văn thư, lưu trữ thống nhất trên phạm vi toàn quốc, khắc phục tình trạng phân tán dữ liệu, bảo đảm quản lý xuyên suốt vòng đời tài liệu từ tạo lập, xử lý, lập hồ sơ, thu nộp, bảo quản đến khai thác, sử dụng.

Hai là, chuẩn hóa dữ liệu, quy trình nghiệp vụ và cơ chế kết nối, chia sẻ thông tin; tạo nền tảng để các bộ, ngành, địa phương tiếp tục sử dụng các hệ thống hiện có nhưng vẫn bảo đảm quản lý thống nhất theo kiến trúc, tiêu chuẩn và cơ chế vận hành chung của quốc gia.

Ba là, bảo đảm tính toàn vẹn, xác thực, giá trị pháp lý và khả năng sử dụng lâu dài của văn bản, hồ sơ, tài liệu điện tử; nâng cao khả năng truy vết, kiểm chứng và bảo quản lâu dài nguồn dữ liệu gốc của Nhà nước.

Bốn là, tăng cường an toàn, an ninh dữ liệu, bảo vệ chủ quyền số quốc gia; thiết lập cơ chế quản trị dữ liệu thống nhất, kiểm soát truy cập, giám sát an toàn thông tin và bảo vệ dữ liệu theo mức độ quan trọng.

Năm là, phát huy giá trị nguồn dữ liệu văn thư, lưu trữ phục vụ chỉ đạo, điều hành, hoạch định chính sách, cung cấp dịch vụ công, nghiên cứu, giáo dục, phát triển văn hóa và thúc đẩy các ứng dụng dữ liệu, trí tuệ nhân tạo.

Nền tảng số quốc gia về văn thư, lưu trữ không chỉ là một hệ thống công nghệ thông tin phục vụ tác nghiệp mà là hạ tầng số dùng chung quốc gia, tạo công cụ để triển khai thống nhất các yêu cầu đổi mới về thể chế, tổ chức, nghiệp vụ, dữ liệu và hạ tầng kỹ thuật trong lĩnh vực văn thư, lưu trữ trên phạm vi toàn quốc.

Từ những cơ sở thực tiễn nêu trên, có thể khẳng định việc xây dựng và vận hành Nền tảng số quốc gia về văn thư, lưu trữ là yêu cầu khách quan, cấp thiết và có ý nghĩa chiến lược. Đây là giải pháp trọng tâm để hình thành hạ tầng dữ liệu gốc của Nhà nước, phục vụ chuyển đổi số quốc gia, nâng cao năng lực quản trị

đất nước, bảo vệ chủ quyền dữ liệu và phát huy giá trị di sản tư liệu quốc gia trong kỷ nguyên số.

đ) Những điểm nghẽn thực tiễn cần giải quyết

Mặc dù công tác văn thư, lưu trữ đã đạt được nhiều kết quả quan trọng, song quá trình chuyển đổi số vẫn còn nhiều điểm nghẽn làm hạn chế hiệu quả quản lý, khai thác và phát huy giá trị dữ liệu trên phạm vi toàn quốc. Những điểm nghẽn này cần được giải quyết đồng bộ để đáp ứng yêu cầu quản trị dữ liệu trong môi trường số, cụ thể:

Một là, mô hình quản trị văn thư, lưu trữ còn phân tán, chưa thống nhất theo vòng đời tài liệu, chưa đáp ứng yêu cầu quản lý tập trung, liên thông và chia sẻ dữ liệu trên phạm vi toàn quốc.

Hai là, dữ liệu văn thư, lưu trữ chưa được chuẩn hóa, kết nối và đồng bộ; hạ tầng và nền tảng số còn đầu tư phân tán, thiếu tính dùng chung, ảnh hưởng đến việc hình thành cơ sở dữ liệu tập trung và khai thác dữ liệu hiệu quả.

Ba là, năng lực bảo quản lâu dài, bảo đảm tính xác thực, toàn vẹn và giá trị pháp lý của tài liệu lưu trữ số còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu lưu trữ, bảo vệ và khai thác lâu dài nguồn dữ liệu gốc của Nhà nước.

Bốn là, giá trị dữ liệu văn thư, lưu trữ chưa được khai thác tương xứng với tiềm năng; việc chia sẻ, tích hợp và ứng dụng dữ liệu phục vụ quản trị, cung cấp dịch vụ công, nghiên cứu, đổi mới sáng tạo còn nhiều hạn chế.

Năm là, cơ chế tổ chức thực hiện và phân công trách nhiệm giữa quản lý nghiệp vụ, quản trị dữ liệu và vận hành kỹ thuật chưa thật sự rõ ràng, thiếu cơ chế phối hợp thống nhất trong tạo lập, quản lý, kết nối và khai thác dữ liệu.

Những điểm nghẽn nêu trên là những vấn đề cốt lõi cần được giải quyết trong giai đoạn 2026 - 2030, đồng thời là cơ sở để Đề án xác định các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp nhằm đổi mới toàn diện công tác văn thư, lưu trữ; xây dựng mô hình quản trị dữ liệu thống nhất theo toàn bộ vòng đời tài liệu; phát triển Nền tảng số quốc gia về văn thư, lưu trữ dùng chung, bảo đảm quản lý, kết nối, chia sẻ và khai thác dữ liệu thống nhất trên phạm vi toàn quốc.

4. Kinh nghiệm quốc tế và bài học đối với Việt Nam

Kinh nghiệm quốc tế cho thấy, cùng với quá trình chuyển đổi số và phát triển quản trị quốc gia dựa trên dữ liệu, nhiều quốc gia đã chuyển từ mô hình quản lý tài liệu truyền thống sang quản trị dữ liệu và tài sản số; đồng thời xây dựng các nền tảng số dùng chung và củng cố vai trò của cơ quan lưu trữ quốc gia như một thiết chế quan trọng của hạ tầng dữ liệu quốc gia.

- Về xây dựng và vận hành nền tảng số quốc gia về văn thư, lưu trữ: Kinh nghiệm của Hoa Kỳ, Hàn Quốc, Estonia, Australia, Singapore, Malaysia và Trung Quốc cho thấy xu hướng xây dựng nền tảng số dùng chung ở quy mô quốc gia, quản lý dữ liệu theo vòng đời tài liệu và quản lý từ nguồn. Thực tiễn triển khai tại các quốc gia này khẳng định hiệu quả của mô hình nền tảng số quốc gia trong bảo đảm tính liên thông, tính xác thực, an toàn dữ liệu và phát huy giá trị nguồn dữ

liệu phục vụ quản trị quốc gia. Bài học đối với Việt Nam là cần xây dựng nền tảng dùng chung quy mô quốc gia, quản lý thống nhất dữ liệu theo vòng đời tài liệu, lấy chuẩn hóa, kết nối, chia sẻ dữ liệu làm nền tảng và bảo đảm an toàn dữ liệu ngay từ đầu.

- Về tổ chức bộ máy ngành lưu trữ: Kinh nghiệm của Trung Quốc, Hàn Quốc, Indonesia, Singapore và Estonia cho thấy cơ quan lưu trữ quốc gia ngày càng được nâng cao vị thế khi chuyển từ chức năng quản lý tài liệu truyền thống sang quản trị tài sản dữ liệu quốc gia và hạ tầng lưu trữ số. Bài học đối với Việt Nam là cần đổi mới tư duy quản lý, nâng cao vai trò của cơ quan lưu trữ trong quản trị dữ liệu, bảo đảm đủ thẩm quyền điều phối, quản lý và khai thác thống nhất dữ liệu văn thư, lưu trữ trên phạm vi toàn quốc.

Từ kinh nghiệm quốc tế có thể khẳng định, xây dựng nền tảng số quốc gia về văn thư, lưu trữ không chỉ là giải pháp hiện đại hóa nghiệp vụ lưu trữ mà là giải pháp chiến lược để hình thành hạ tầng dữ liệu gốc của Nhà nước. Đây là cơ sở quan trọng để phục vụ trực tiếp công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và người đứng đầu các cấp; nâng cao chất lượng hoạch định chính sách, năng lực quản trị quốc gia, đồng thời bảo đảm an ninh dữ liệu, chủ quyền số và phát huy giá trị di sản tư liệu quốc gia trong kỷ nguyên số.

II. QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

Đề án được xây dựng trên cơ sở quán triệt sâu sắc các quan điểm, chủ trương của Đảng về phát triển đất nước trong kỷ nguyên số, đặc biệt là Nghị quyết Đại hội XIV, Nghị quyết 57-NQ/TW, xây dựng văn hóa Việt Nam theo Nghị quyết số 80-NQ/TW và chủ trương, chính sách của Đảng, Chính phủ trong phát triển đất nước.

1. Đổi mới toàn diện nền văn thư, lưu trữ nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên số; chuyển từ quản lý hồ sơ, tài liệu sang quản trị dữ liệu văn thư, lưu trữ trong môi trường số; xây dựng nền văn thư, lưu trữ hiện đại, thống nhất, dựa trên dữ liệu, phục vụ hiệu quả hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của Đảng, Nhà nước và hệ thống chính trị.

2. Xây dựng Nền tảng số quốc gia về văn thư, lưu trữ là nền tảng số dùng chung của quốc gia trong lĩnh vực văn thư, lưu trữ; bảo đảm quản lý tập trung, thống nhất, kết nối, chia sẻ và tái sử dụng trên phạm vi toàn quốc, tạo môi trường số thống nhất giữa các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị, góp phần nâng cao hiệu quả quản trị quốc gia, giải quyết thủ tục hành chính và cung cấp dịch vụ công.

3. Xác định dữ liệu văn thư, lưu trữ là tài sản dữ liệu chiến lược quốc gia, được quản lý thống nhất theo toàn bộ vòng đời tài liệu; bảo đảm tính xác thực, toàn vẹn, khả năng truy xuất nguồn gốc, giá trị pháp lý và khả năng sử dụng lâu dài; đáp ứng yêu cầu bảo vệ an toàn, an ninh và chủ quyền dữ liệu quốc gia.

4. Lấy dữ liệu làm trung tâm; quản trị dữ liệu theo nguyên tắc đúng - đủ - sạch - sống - toàn vẹn - duy nhất - thống nhất - tập trung - liên thông - dùng chung; bảo đảm dữ liệu được tạo lập một lần, quản lý xuyên suốt toàn bộ vòng đời, chia

sẻ, khai thác và tái sử dụng hiệu quả theo quy định của pháp luật, phục vụ quản trị quốc gia dựa trên dữ liệu và phát triển các ứng dụng số.

5. Bảo đảm lưu trữ dự phòng và khả năng phục hồi đối với tài liệu lưu trữ quốc gia theo nguyên tắc nhiều lớp bảo vệ, đa dạng vật mang tin, đa địa điểm lưu giữ và không phụ thuộc vào một công nghệ, một hệ thống hoặc một nhà cung cấp duy nhất; kết hợp hài hòa giữa bảo quản truyền thống và lưu trữ số hiện đại, bảo vệ an toàn tài liệu lưu trữ và kỷ ức quốc gia trong mọi tình huống.

6. Đổi mới công tác phát huy giá trị tài liệu lưu trữ; xác định tài liệu lưu trữ là nguồn tài nguyên dữ liệu, tri thức, văn hóa và lịch sử đặc biệt quan trọng của quốc gia; đẩy mạnh khai thác, chia sẻ và tái sử dụng dữ liệu gắn với ứng dụng công nghệ số, dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo và các công nghệ mới, phục vụ nghiên cứu, giáo dục, hoạch định chính sách, đổi mới sáng tạo, phát triển kinh tế số và góp phần tạo động lực mới cho tăng trưởng kinh tế bền vững.

7. Đổi mới tổ chức bộ máy và phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu quản trị dữ liệu và chuyển đổi số; hoàn thiện mô hình tổ chức, cơ chế quản trị và cơ chế phối hợp trong quản lý, vận hành Nền tảng số quốc gia về văn thư, lưu trữ; phân định rõ trách nhiệm giữa quản trị nghiệp vụ, quản trị dữ liệu và vận hành kỹ thuật; phát triển đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có năng lực quản trị dữ liệu, làm chủ công nghệ số và đáp ứng yêu cầu vận hành Nền tảng.

8. Kế thừa, phát huy hiệu quả các hệ thống, dữ liệu, hạ tầng kỹ thuật, tổ chức bộ máy, nguồn nhân lực và các kết quả chuyển đổi số đã được đầu tư; thực hiện đầu tư tập trung, quản trị thống nhất, khai thác dùng chung đối với Nền tảng số quốc gia về văn thư, lưu trữ và Cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ Phong Lưu trữ Nhà nước Việt Nam; tránh đầu tư phân tán, trùng lặp, lãng phí, bảo đảm sử dụng hiệu quả nguồn lực và phát triển bền vững.

III. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG CỦA ĐỀ ÁN

1. Phạm vi về đối tượng áp dụng

Đề án được triển khai đối với các bộ, cơ quan ngang bộ; chính quyền địa phương các cấp; các cơ quan, tổ chức thuộc nguồn thu nộp tài liệu vào Lưu trữ lịch sử theo quy định của pháp luật về lưu trữ; doanh nghiệp nhà nước; các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động dịch vụ lưu trữ và khai thác, sử dụng tài liệu lưu trữ theo quy định của pháp luật.

2. Phạm vi về tài liệu và dữ liệu

a) Toàn bộ văn bản, tài liệu và hồ sơ lưu trữ được hình thành trong hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc phạm vi áp dụng của Đề án.

b) Dữ liệu văn bản, tài liệu, hồ sơ (tệp tin văn bản, tài liệu, hồ sơ) quy định tại điểm a mục này; dữ liệu đặc tả văn bản, tài liệu, hồ sơ; dữ liệu về quản lý vòng đời tài liệu; dữ liệu phát sinh trong quá trình giải quyết văn bản, tài liệu, hồ sơ; Cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ Phong Lưu trữ Nhà nước Việt Nam; dữ liệu phục vụ quản lý, bảo quản, khai thác, sử dụng và phát huy giá trị tài liệu lưu trữ trong môi trường số.

c) Các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành tiếp tục được quản lý theo quy định của pháp luật chuyên ngành. Tuy nhiên, văn bản hành chính liên quan đến hồ sơ chuyên ngành được ban hành theo quy định của pháp luật về văn thư, lưu trữ thuộc phạm vi quản lý của Nền tảng số quốc gia về văn thư, lưu trữ và được quản lý thống nhất theo quy định của pháp luật.

3. Phạm vi về hạ tầng số, quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu

a) Đề án điều chỉnh việc xây dựng, quản lý và vận hành Nền tảng số quốc gia về văn thư, lưu trữ trên hạ tầng Trung tâm dữ liệu quốc gia; xây dựng, quản lý và phát triển Cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ Phong Lưu trữ Nhà nước Việt Nam; hình thành hạ tầng dữ liệu văn thư, lưu trữ quốc gia tập trung, thống nhất, bảo đảm quản lý, lưu trữ, bảo quản, kết nối, chia sẻ và khai thác dữ liệu văn thư, lưu trữ trên phạm vi toàn quốc theo kiến trúc và mô hình quản trị thống nhất.

b) Việc kết nối, tích hợp dữ liệu từ Hệ thống quản lý văn bản và điều hành, Hệ thống quản lý tài liệu lưu trữ số và các hệ thống thông tin có liên quan của bộ, ngành, địa phương với Nền tảng số quốc gia về văn thư, lưu trữ được thực hiện thông qua hạ tầng kết nối, chia sẻ dữ liệu và mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước, bảo đảm thống nhất, an toàn, thông suốt và phù hợp với quy định của pháp luật.

c) Trong giai đoạn chuyển đổi, các hệ thống hiện có của bộ, ngành, địa phương được tiếp tục vận hành để bảo đảm tính liên tục trong hoạt động quản lý, điều hành; đồng thời từng bước chuẩn hóa, kết nối, tích hợp và chuyển dịch sang mô hình nền tảng dùng chung ở cấp quốc gia.

4. Phạm vi không thuộc Đề án

a) Đề án không điều chỉnh việc xây dựng và vận hành các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu và hệ thống quản lý tài liệu, dữ liệu chuyên ngành thuộc các cơ quan Đảng, Quốc hội, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Ngoại giao và các lĩnh vực đặc thù khác được pháp luật quy định riêng.

b) Việc kết nối, phối hợp, chia sẻ dữ liệu giữa Nền tảng số quốc gia về văn thư, lưu trữ với các hệ thống thuộc các cơ quan nêu trên được thực hiện theo quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước và các yêu cầu về quốc phòng, an ninh, đối ngoại, an toàn thông tin, an ninh dữ liệu và bảo vệ bí mật nhà nước.

IV. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO ĐỀ ÁN

Quá trình xây dựng dự thảo Đề án “Xây dựng, vận hành Nền tảng số quốc gia về văn thư, lưu trữ giai đoạn 2026 - 2030” được thực hiện đúng quy định, tập trung cao điểm ngay sau khi có quyết định giao nhiệm vụ của Thủ tướng Chính phủ các mốc tiến độ cụ thể như sau:

1. Xây dựng đề cương tóm tắt, đề cương chi tiết và hội thảo lấy ý kiến Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Ngoại giao, Bộ Khoa học và Công nghệ và các chuyên gia góp ý đề cương, hoàn thành đề cương chi tiết (tháng 3-4/2026).

2. Thiết kế các mẫu phiếu khảo sát nhằm thu thập thông tin đánh giá tổng thể lĩnh vực văn thư, lưu trữ (tháng 4/2026).

3. Bộ Nội vụ ban hành Công văn số 4469/BNV-CVT<NN và Công văn số 4470/BNV-CVT<NN gửi bộ, ngành, địa phương đề nghị cung cấp thông tin phục vụ xây dựng Đề án (ngày 11/5/2026).

4. Bộ Nội vụ ban hành Kế hoạch số 4517/KH-BNV ngày 12 tháng 5 năm 2026 của Bộ Nội vụ triển khai nhiệm vụ xây dựng Đề án tổng thể “Xây dựng, vận hành Nền tảng số quốc gia về văn thư, lưu trữ giai đoạn 2026 - 2030” (ngày 11/5/2026).

5. Tổ chức phân tích dữ liệu khảo sát, xây dựng dự thảo Đề án và các văn bản trong hồ sơ trình Đề án: Dự thảo Đề án 1, bản tóm tắt, dự thảo Quyết định phê duyệt Đề án, dự thảo Tờ trình Thủ tướng Chính phủ (ngày 22/5/2026).

6. Lấy ý kiến của các đơn vị chuyên môn thuộc Bộ Công an (Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Cục An ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao, Trung tâm Dữ liệu quốc gia) về dự thảo đề án và dự thảo hồ sơ trình Đề án (ngày 22/5/2026).

7. Tiếp thu ý kiến của các đơn vị thuộc Bộ Công an, thống nhất nội dung dự thảo Đề án và hồ sơ trình Đề án để chuẩn bị lấy ý kiến bộ, ngành, địa phương, hoàn thiện Dự thảo Đề án 2 (ngày 27/6/2026).

8. Lấy ý kiến các bộ, ngành, địa phương, chuyên gia về Dự thảo Đề án và dự thảo hồ sơ trình Đề án (ngày 10/7/2026).

9. Tổ chức hội thảo mở rộng lấy ý kiến góp ý Dự thảo Đề án (tháng 7/2026).

10. Tiếp thu ý kiến, hoàn thành Dự thảo Đề án 3 (ngày 30/7/2026).

11. Xin ý kiến của Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ Nội vụ, Ban Thường vụ Đảng ủy Công an Trung ương đối với dự thảo Đề án (ngày 10/8/2026)

12. Nghiên cứu, giải trình, tiếp thu ý kiến của Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ Nội vụ, Ban Thường vụ Đảng ủy Công an Trung ương, hoàn thiện dự thảo Đề án Dự thảo 4 (ngày 15/8/2026)

13. Phối hợp với Văn phòng Chính phủ thực hiện các thủ tục trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án (tháng 8-9/2026).

V. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO ĐỀ ÁN

1. Nội dung tổng quan

Dự thảo Đề án tổng thể “Xây dựng, vận hành Nền tảng số quốc gia về văn thư, lưu trữ giai đoạn 2026 - 2030” được xây dựng với bố cục gồm 05 phần, bảo đảm làm rõ sự cần thiết, quan điểm, mục tiêu, thực trạng, nhiệm vụ, giải pháp và tổ chức thực hiện Đề án.

Phần 1. Sự cần thiết và tính cấp bách

Làm rõ cơ sở chính trị, pháp lý, thực tiễn và kinh nghiệm quốc tế; khẳng định việc xây dựng, vận hành Nền tảng số quốc gia về văn thư, lưu trữ là yêu cầu khách quan, cấp thiết nhằm hình thành hạ tầng dữ liệu gốc tin cậy của Nhà nước,

phục vụ chuyển đổi số quốc gia, quản trị quốc gia dựa trên dữ liệu và bảo đảm chủ quyền dữ liệu quốc gia.

Phần 2. Quan điểm, mục tiêu và phạm vi

Xác định quan điểm chỉ đạo, mục tiêu tổng quát, mục tiêu cụ thể đến năm 2030 và phạm vi của Đề án; trong đó nhấn mạnh yêu cầu đổi mới toàn diện nền văn thư, lưu trữ theo hướng hiện đại, thống nhất, liên thông, an toàn, dựa trên dữ liệu; xây dựng Nền tảng số quốc gia về văn thư, lưu trữ như một hạ tầng số dùng chung, quản lý thống nhất dữ liệu trong toàn bộ vòng đời tài liệu.

Phần 3. Đánh giá thực trạng

Đánh giá thực trạng khung pháp lý, công tác văn thư, lưu trữ số, chỉnh lý, số hóa, xây dựng cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ, dịch vụ lưu trữ, phát huy giá trị tài liệu lưu trữ, lưu trữ dự phòng, hạ tầng công nghệ thông tin, tổ chức bộ máy và nguồn nhân lực; qua đó nhận diện các hạn chế chủ yếu về phân tán dữ liệu, thiếu chuẩn hóa, thiếu liên thông, chưa bảo đảm đầy đủ yêu cầu bảo quản lâu dài, an toàn dữ liệu và khai thác hiệu quả tài nguyên dữ liệu văn thư, lưu trữ.

Phần 4. Nhiệm vụ và giải pháp

Đề xuất các nhóm nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm, gồm: hoàn thiện khung pháp lý và hướng dẫn nghiệp vụ; xây dựng, vận hành Nền tảng số quốc gia về văn thư, lưu trữ; xây dựng Cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ Phong Lưu trữ Nhà nước Việt Nam; triển khai lưu trữ dự phòng đa tầng; phát huy giá trị tài liệu lưu trữ trong môi trường số; tăng cường quản lý dịch vụ lưu trữ; xây dựng hạ tầng số tập trung; đổi mới tổ chức bộ máy và phát triển nguồn nhân lực văn thư, lưu trữ.

Phần 5. Tổ chức thực hiện: Xác định trách nhiệm của Bộ Nội vụ, Bộ Công an, các bộ, ngành, địa phương và cơ quan liên quan; thiết lập cơ chế phối hợp liên ngành, phối hợp giữa Trung ương và địa phương; quy định lộ trình thực hiện giai đoạn 2026 - 2030, trong đó giai đoạn 2026 - 2028 tập trung tạo nền móng, hoàn thiện thể chế, tiêu chuẩn, hạ tầng và mô hình kết nối; giai đoạn 2029 - 2030 hoàn tất chuyển đổi sang mô hình nền tảng dùng chung, quản lý tập trung, thống nhất dữ liệu văn thư, lưu trữ trên phạm vi toàn quốc.

Phần 6. Đánh giá hiệu quả đầu tư và điều kiện bảo đảm thực hiện Đề án: Đánh giá hiệu quả đầu tư của Đề án đối với quản trị quốc gia, bảo đảm chủ quyền dữ liệu quốc gia, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, phát triển xã hội và phát huy giá trị dữ liệu văn thư, lưu trữ. Đồng thời, xác định các điều kiện bảo đảm về lãnh đạo, chỉ đạo; nguồn lực; sự phối hợp của các bộ, ngành, địa phương; quản trị dữ liệu; cơ chế vận hành, giám sát và phát triển bền vững của Nền tảng số quốc gia về văn thư, lưu trữ.

2. Nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm

Đề án đề xuất các nhóm nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm nhằm đổi mới toàn diện nền văn thư, lưu trữ, hình thành hạ tầng dữ liệu gốc của Nhà nước và xây

dựng Nền tảng số quốc gia về văn thư, lưu trữ theo hướng tập trung, thống nhất, liên thông trên phạm vi toàn quốc.

a) Hoàn thiện khung pháp lý và hướng dẫn nghiệp vụ

- Hoàn thiện thể chế quản lý và quản trị dữ liệu văn thư, lưu trữ theo hướng quản lý thống nhất dữ liệu trên toàn bộ vòng đời tài liệu, phù hợp với Luật Lưu trữ, Luật Dữ liệu và các quy định liên quan.

- Hoàn thiện cơ sở pháp lý cho việc xây dựng, quản lý, vận hành và khai thác Nền tảng số quốc gia về văn thư, lưu trữ; quy định rõ trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức trong việc tạo lập, cập nhật, kết nối, chia sẻ và khai thác dữ liệu.

- Hoàn thiện thể chế quản trị, khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ Phong Lưu trữ Nhà nước Việt Nam, bảo đảm quản lý tập trung, thống nhất, sử dụng hiệu quả và phát huy giá trị nguồn dữ liệu lưu trữ quốc gia.

- Hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, chuẩn dữ liệu, chuẩn gói tin, định danh dữ liệu, kết nối, chia sẻ và lưu trữ số làm cơ sở triển khai thống nhất trên phạm vi toàn quốc.

- Hoàn thiện mô hình nghiệp vụ quản lý dữ liệu văn thư, lưu trữ theo vòng đời tài liệu từ hình thành, xử lý, thu nộp, bảo quản, khai thác đến tiêu hủy; bảo đảm dữ liệu được quản lý xuyên suốt, liên thông và có khả năng kiểm chứng, truy vết.

(2) Xây dựng và vận hành Nền tảng số quốc gia về văn thư, lưu trữ

- Xây dựng mô hình tổng thể và kiến trúc Nền tảng, bảo đảm quản lý thống nhất dữ liệu văn thư, lưu trữ; tích hợp các dịch vụ nghiệp vụ, quản trị dữ liệu, trí tuệ nhân tạo, phân tích dữ liệu, an toàn thông tin và hạ tầng lưu trữ số.

- Xây dựng hạ tầng số và môi trường vận hành tập trung, bảo đảm khả năng lưu trữ, xử lý, kết nối, chia sẻ dữ liệu ở quy mô quốc gia; đáp ứng yêu cầu dự phòng, phục hồi dữ liệu, bảo quản số dài hạn, an toàn thông tin, an ninh mạng và chủ quyền dữ liệu.

- Xây dựng các phân hệ chức năng quản lý dữ liệu theo vòng đời tài liệu, bao gồm quản lý văn bản điện tử, hồ sơ điện tử, thu nộp lưu trữ, bảo quản, khai thác, phát huy giá trị tài liệu lưu trữ, quản trị dữ liệu, báo cáo thống kê, bảo đảm giá trị pháp lý của dữ liệu và ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong quản lý, khai thác dữ liệu.

- Kết nối, tích hợp và chuyên đổi dữ liệu, bảo đảm liên thông với Hệ thống quản lý văn bản và điều hành, hệ thống lưu trữ số của các bộ, ngành, địa phương; kết nối với Trung tâm dữ liệu quốc gia, các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành và các nền tảng số dùng chung có liên quan.

- Thiết lập cơ chế quản lý, vận hành và khai thác thống nhất, bảo đảm quản lý tập trung, giám sát vận hành, cung cấp dịch vụ khai thác dữ liệu theo thẩm quyền; thường xuyên cập nhật, mở rộng chức năng và nâng cao năng lực phân tích, khai thác, phát huy giá trị dữ liệu văn thư, lưu trữ.

(3) Xây dựng Cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ Phong Lưu trữ Nhà nước Việt Nam

- Xây dựng và quản lý Cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ Phong Lưu trữ Nhà nước Việt Nam bảo đảm nguyên tắc đúng - đủ - sạch - sống - toàn vẹn - duy nhất - thống nhất - tập trung - liên thông - dùng chung.

- Hoàn thiện chính lý tài liệu giấy tồn đọng tại các bộ, ngành, địa phương; chính lý hoàn chỉnh hoặc chính lý sơ bộ 100% tài liệu giấy tồn đọng thuộc Phong Lưu trữ Nhà nước Việt Nam; hoàn thành việc xây dựng dữ liệu đặc tả hồ sơ của 100% tài liệu sau chính lý bảo đảm đạt chuẩn và sẵn sàng tích hợp vào Cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ Phong Lưu trữ Nhà nước Việt Nam.

- Số hóa khoảng 30 - 50% tài liệu lưu trữ vĩnh viễn và 10 - 20% tài liệu có thời hạn còn giá trị sử dụng cao tại các cơ quan, tổ chức; số hóa 100% tài liệu lưu trữ vĩnh viễn đang bảo quản tại các Trung tâm Lưu trữ quốc gia và Lưu trữ lịch sử cấp tỉnh.

- Chuẩn hóa và tích hợp toàn bộ dữ liệu tài liệu số hóa vào Nền tảng số quốc gia về văn thư, lưu trữ; triển khai mô hình số hóa phân tán từ các bộ, ngành, địa phương và quản lý dữ liệu tập trung; dữ liệu số hóa được đồng bộ tức thời về Kho Lưu trữ số Nhà nước trên hạ tầng Trung tâm Dữ liệu quốc gia, được đưa vào Cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ Phong Lưu trữ Nhà nước Việt Nam để phục vụ sử dụng, khai thác trực tuyến.

- Chuẩn hóa và tiếp nhận dữ liệu tài liệu lưu trữ từ Hệ thống quản lý văn bản và điều hành của bộ, ngành, địa phương; phân loại, chọn lọc và chuẩn hóa tài liệu lưu trữ số tại Hệ thống quản lý văn bản và điều hành của bộ, ngành, địa phương và cập nhật vào Cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ Phong Lưu trữ Nhà nước Việt Nam.

- Xây dựng, cập nhật, quản trị Cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ Phong Lưu trữ Nhà nước Việt Nam, hình thành môi trường tra cứu, khai thác tập trung và từng bước xây dựng tài sản dữ liệu lưu trữ quốc gia.

- Chuyển giao Cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ Phong Lưu trữ Nhà nước Việt Nam hiện có về lưu trữ trên hạ tầng Trung tâm Dữ liệu quốc gia

(4) Triển khai các giải pháp lưu trữ dự phòng đa tầng đối với tài liệu lưu trữ đặc biệt quan trọng

- Xác định danh mục tài liệu thuộc diện lưu trữ dự phòng thuộc Phong Lưu trữ Nhà nước Việt Nam.

- Áp dụng mô hình lưu trữ dự phòng đa tầng, đa vật mang tin.

- Nghiên cứu, thử nghiệm các công nghệ tạo lập bản sao dự phòng tài liệu lưu trữ.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ dự phòng.

- Thiết lập chế độ kiểm tra, đánh giá rủi ro, diễn tập dự phòng.

(5) Phát huy giá trị tài liệu lưu trữ trong môi trường số

- Đổi mới phương thức công bố và giới thiệu tài liệu lưu trữ.

- Mở rộng khả năng tiếp cận và khai thác tài liệu lưu trữ: phát triển các công cụ tra cứu, tìm kiếm, khai thác trực tuyến; tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp và cơ quan nhà nước tiếp cận tài liệu lưu trữ theo quy định.

- Phát triển năng lực khai phá thông minh thông tin từ tài liệu lưu trữ và cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ.

- Phát huy giá trị tài liệu lưu trữ phục vụ hoạt động của hệ thống chính trị và quản trị quốc gia; gắn phát huy giá trị tài liệu lưu trữ với phát triển văn hóa và công nghiệp sáng tạo, giáo dục, nghiên cứu và truyền thông.

(6) Tăng cường quản lý hoạt động dịch vụ văn thư, lưu trữ

- Hoàn thiện cơ chế quản lý nhà nước đối với hoạt động dịch vụ lưu trữ phù hợp với yêu cầu chuyển đổi số và phát triển Nền tảng số quốc gia về văn thư, lưu trữ.

- Ứng dụng Nền tảng số quốc gia về văn thư, lưu trữ trong quản lý và giám sát hoạt động dịch vụ lưu trữ.

(7) Xây dựng hạ tầng số tập trung để vận hành Nền tảng số quốc gia về văn thư, lưu trữ

- Xây dựng hạ tầng công nghệ tập trung tại Trung tâm Dữ liệu quốc gia

- Xây dựng hạ tầng lưu trữ dữ liệu quy mô lớn

- Xây dựng hạ tầng khai phá thông minh thông tin từ tài liệu lưu trữ và Cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ Phong Lưu trữ Nhà nước Việt Nam.

- Xây dựng hạ tầng bảo đảm an ninh, an toàn và chủ quyền dữ liệu văn thư, lưu trữ

- Xây dựng hạ tầng dự phòng và khôi phục thảm họa.

(8) Đổi mới tổ chức bộ máy, phát triển nguồn nhân lực và nâng cao năng lực quản trị

- Nghiên cứu xác định vị trí và mô hình tổ chức phù hợp của cơ quan quản lý nhà nước về văn thư, lưu trữ, bảo đảm quản lý thống nhất dữ liệu văn thư, lưu trữ quốc gia, vận hành hiệu quả Cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ Phong Lưu trữ Nhà nước Việt Nam; đồng thời nâng cao năng lực tham mưu, tổng hợp, cung cấp và khai thác dữ liệu phục vụ kịp thời hoạt động quản lý, chỉ đạo, điều hành và hoạch định chính sách của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và người đứng đầu bộ, ngành, địa phương.

Đổi mới, kiện toàn tổ chức bộ máy ngành văn thư, lưu trữ từ trung ương đến địa phương theo hướng tinh gọn, hiệu quả, phù hợp với mô hình quản trị dữ liệu trong môi trường số; tăng cường năng lực quản lý dữ liệu, lưu trữ số và cơ chế phối hợp với các cơ quan quản lý dữ liệu, công nghệ thông tin và Trung tâm Dữ liệu quốc gia.

- Phát triển nguồn nhân lực văn thư, lưu trữ có đủ năng lực chuyên môn, kỹ năng số và khả năng quản trị dữ liệu; đổi mới chương trình đào tạo, bồi dưỡng gắn với quản trị dữ liệu, lưu trữ số, an toàn thông tin và trí tuệ nhân tạo; đồng thời thu hút, phát triển đội ngũ chuyên gia có kiến thức liên ngành về văn thư, lưu trữ, công nghệ số và dữ liệu.

3. Những vấn đề còn ý kiến khác nhau và những vấn đề cần báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, chỉ đạo (nếu có)

Qua quá trình lấy ý kiến, các bộ, ngành, địa phương cơ bản thống nhất với sự cần thiết, quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp của Đề án. Bộ Nội vụ đã nghiên cứu, tiếp thu, giải trình đầy đủ các ý kiến góp ý; đến nay không còn vấn đề lớn có ý kiến khác nhau cần báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

Trên đây là Tờ trình về dự thảo Đề án tổng thể “*Xây dựng, vận hành Nền tảng số quốc gia về văn thư, lưu trữ giai đoạn 2026 - 2030*”, Bộ Nội vụ kính trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt.

Hồ sơ kèm theo gồm có: (1) Dự thảo Đề án; (2) Dự thảo Quyết định phê duyệt Đề án; (3) Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến của bộ, ngành, địa phương về dự thảo Đề án; (4) Văn bản của bộ, ngành, địa phương góp ý dự thảo Đề án và hồ sơ trình Đề án./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (đề b/c);
- Các Phó Thủ tướng (đề b/c);
- Văn phòng Chính phủ (đề p/h);
- Bộ Tư pháp (đề p/h);
- Bộ trưởng Đỗ Thanh Bình;
- Thứ trưởng Cao Huy;
- Thứ trưởng Trương Hải Long;
- Lưu: VT, CVT<NN.

BỘ TRƯỞNG

Đỗ Thanh Bình